

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày 04 tháng 02 năm 2021

*"V/v tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29/01/2001 và ngày 04/02/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLPT-
HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 16
tháng 10 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2020/QĐPT-
HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quý H, sinh năm 1974.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1976.

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Chị Đỗ Thị B.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 và những lời khai tiếp
theo, nguyên đơn anh Lê Quý H trình bày:*

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 25
tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung của Tòa án nhân
dân huyện V (Sau đây gọi tắt là Bản án sơ thẩm số 35) và Bản án hôn nhân và
gia đình phúc thẩm số 24/2017/HNGĐ - PT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Tòa

án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (Sau đây gọi tắt là Bản án phúc thẩm số 24) đã quyết định cho anh và chị Đỗ Thị B ly hôn. Về con chung giao cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001 và giao cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Q, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở gây khó khăn. Tuy nhiên do chị B ngoại tình dẫn đến việc cháu Q xấu hổ với mọi người nên từ tháng 5/2017 đến nay cháu Q vẫn ở với anh không chịu theo chị B và chị B không làm đơn yêu cầu Thi hành án, không trực tiếp nuôi dạy, không đóng góp cấp dưỡng nuôi con, không quan tâm thăm hỏi động viên đến việc học tập của con từ khi vợ chồng ly hôn đến nay.

Năm 2018 anh kết hôn với chị Phạm Thị Hồng V, sau khi kết hôn giữa anh và chị V sinh được 01 con gái vào cuối năm 2018, chị V hiện làm tại trường mầm non phường P, thành phố T và sinh sống ở thành phố T không sinh sống cùng anh ở huyện V. Từ khi anh và chị B ly hôn đến nay cháu Đ, cháu Q vẫn ở với anh và do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh là giáo viên trường Trung học cơ sở xã Tr huyện V, mức lương là 9.700.000đ/tháng và dạy chuyên đề thu nhập bình quân hàng tháng khoảng hơn 16.000.000đ/tháng, đảm bảo kinh tế để chăm lo cuộc sống ăn học cho cháu Q. Do vậy nay anh làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con đối với cháu Lê Minh Q từ chị B sang anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, còn chị B tự nguyện là tùy chị. Anh H tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn chị Đỗ Thị B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị trình bày:

Về quan hệ hôn nhân với anh H và việc vợ chồng xin ly hôn chị thống nhất với lời trình bày của anh H.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm chị có làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện V thi hành án theo đơn ngày 23 tháng 8 năm 2018 với nội dung yêu cầu anh H thi hành Bản án phúc thẩm số 24. Sau đó chị có nhận được Thông báo số: 333/TB-CCTHADS ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện V với nội dung hướng dẫn chị làm đơn yêu cầu thi hành án, sau khi nhận được công văn chị có đến Chi cục thi hành án làm việc và có nộp 01 đơn và cùng bản án sơ thẩm và phúc thẩm (ngày tháng năm chị không nhớ) và đến ngày 19/12/2018 chị đã có đơn đề nghị thi hành án Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 27/2018/HNGĐ-PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là Bản án phúc thẩm số 27) về việc chia tài sản chung sau ly hôn. Đơn của chị đã được Chi cục thi hành án huyện V thụ lý và có Quyết định thi hành án theo đơn số: 25/QĐ-CCTHADS ngày 19/12/2018, buộc anh H phải giao trả diện tích nhà đất cho chị, nhưng kể

từ đó cho đến nay anh H vẫn không giao nhà đất cho chị, nên chị đang phải ở nhờ nhà anh trai tại thôn Y, xã V, huyện V và từ khi ly hôn với anh H đến nay chị chưa kết hôn với ai. Đến ngày 27 tháng 7 năm 2020, sau khi nhận được thông báo thụ lý số: 205/TB-TLVA ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện V về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì chị tiếp tục có đơn gửi Chi cục thi hành án dân sự huyện V đề nghị thi hành Bản án sơ thẩm số 35 và Bản án phúc thẩm số 24 về việc giao con cho chị đối với anh Lê Quý H. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi quyền nuôi con là cháu Lê Minh Q từ chị sang anh H, quan điểm của chị như sau: Chị không đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi con từ chị sang anh H. Lý do: Hiện nay chị đang làm việc tại công ty COSMOS ở khu Công nghiệp K, thành phố V, lương bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Chị có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Minh Q có cuộc sống tốt nhất. Nếu anh H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q thì chị không đồng ý cấp dưỡng, chị sẽ đưa tiền riêng cho các con chị.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2020 và ngày 13/10/2020 cháu Lê Minh Q là con của anh H và chị B khai có nguyện vọng và mong muốn xin tiếp tục ở với bố (anh H).

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V căn cứ Điều 81, 82, 83 và điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quý H đối với chị Đỗ Thị B về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, giao cháu Lê Minh Q, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2007 cho anh Lê Quý H nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở gây khó khăn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 26 tháng 10 năm 2020 chị Đỗ Thị B kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện V và Bản án phúc thẩm số 24/2017/HNGĐ-PT ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc với lý do: Về năng lực kinh tế, anh Lê Quý H không có đất, nhà ổn định, điều kiện sinh hoạt, ăn ở, học tập không được bảo đảm nên không đủ điều

kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q; Sau khi chị ly hôn với anh H, anh H đã xây dựng gia đình mới và đã có 01 con với vợ mới; Đối với Bản án sơ thẩm số 25 và Bản án phúc thẩm số 27, chị đã chấp hành đầy đủ quyết định của hai bản án nêu trên, tức là đã nộp số tiền phải thi hành án 765.900.000đ tại Chi cục thi hành án để thanh toán cho anh H và nộp tiền án phí theo quyết định của 02 bản án, còn anh H không chấp hành bản án, không chịu giao nhà cho chị mà còn có hành vi lăng mạ, đe dọa cán bộ thi hành án... Đối với việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con cái, chị đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người mẹ nhưng khi chị về nhà để chăm sóc cháu thì bị anh H đánh đuổi chị, cháu Q đến gặp chị thì anh H đi theo mắng chửi cháu...

Theo chị thì anh H khởi kiện đòi quyền nuôi con không xuất phát từ tấm lòng yêu thương của người cha dành cho con mà mục đích anh H muốn tranh dành chiếm đoạt tài sản đất nhà của chị, vì sau khi có thông báo số 56/TB-TA ngày 30/6/2020 của TAND cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm với nội dung đồng ý với việc giải quyết vụ án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm của tỉnh Vĩnh Phúc thì anh H mới làm đơn thay đổi quyền nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 64/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị B trong hạn luật định, được chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị B, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Bản án sơ thẩm số 35 của Tòa án nhân dân huyện V và Bản án phúc thẩm số 24 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định giao cho anh Lê Quý H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001 và giao cho chị Đỗ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Minh Q, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2007, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người

không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở gây khó khăn.

Sau khi ly hôn, chị B chưa làm đơn thi hành hành án nuôi con ngay mà đến tháng 11/2017 chị làm đơn yêu cầu chia tài sản sau ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện V và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết, xét xử bằng Bản án số 25/2018/HNGĐ-ST ngày 08/6/2018 (của TAND huyện V, sau đây gọi tắt là Bản án sơ thẩm số 25) và Bản án phúc thẩm số 27/2018/HNGĐ-PT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 23/8/2018 chị B làm đơn đề nghị thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện V đề nghị Chi cục thi hành án huyện V thi hành án về việc nuôi con theo Bản án sơ thẩm số 35 và Bản án phúc thẩm số 24 nêu trên, nhưng theo Công văn số 333/TB-CCTHADS ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án huyện V thì do đơn của chị B còn thiếu một số nội dung quan trọng, chưa đủ điều kiện để thụ lý nên Chi cục Thi hành án huyện V chưa thụ lý và thông báo cho chị B đến cơ quan Thi hành án huyện V để được hướng dẫn làm đơn yêu cầu thi hành án nhưng chị B không đến.

Ngày 21/7/2020 anh H gửi đơn đến Tòa án huyện V đề nghị thay đổi quyền nuôi con thì ngày 27/7/2020 chị B có đơn đề nghị thi hành án buộc anh H giao cháu Quang cho chị nuôi theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 35 và Bản án phúc thẩm số 24.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng: Xét điều kiện nuôi con của hai bên và nguyện vọng của cháu Q thì mặc dù cả hai bên đều có đủ khả năng nuôi cháu Q, tuy nhiên theo quy định của Luật hôn nhân gia đình thì trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc nuôi con thì Tòa án quyết định, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của con. Trong trường hợp này anh H có điều kiện hơn trong việc nuôi dạy cháu Q, bản thân cháu Q cũng có nguyện vọng ở với bố và thực tế cháu Q đang ở với bố, vì vậy để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu Q nên chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của anh H, thay đổi nuôi con từ chị B sang anh H.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng nhận xét trên Tòa án cấp sơ thẩm là chưa xem xét một cách thấu đáo, đầy đủ, khách quan vụ án, bởi lẽ:

Về điều kiện vật chất, nếu căn cứ vào thu nhập thực tế của anh chị thì có thể khẳng định anh chị đều có đủ điều kiện về vật chất để nuôi cháu Q đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận xét.

Tuy nhiên, theo lời khai của anh chị, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án thì hiện tại anh H đã kết hôn với người chị Phạm Thị Hồng V làm tại trường mầm non, đang sống ở thành phố Tr, tỉnh P. Anh H và chị V đã có một con chung.

Hiện tại anh H và cháu Q vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà 02 tầng ở tổ dân phố Hồ Xuân Hương, thị trấn V, huyện V, nhưng ngôi nhà và diện tích 100m² đất ở này không phải là của anh H, vì tại Bản án sơ thẩm số 25 và Bản án phúc thẩm số 27 về việc chia tài sản sau ly hôn đã giao cho chị B được sử dụng 100m² đất và được sở hữu toàn bộ nhà và các công trình xây dựng trên đất, chị B phải thanh toán cho anh H 765.900.000đ.

Ngày 27/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện V xác minh, thu thập chứng cứ về việc thi hành Bản án sơ thẩm số 25 và Bản án phúc thẩm số 27 thì thấy: Chị B đã chấp hành xong phần nghĩa vụ trong Bản án, tức là đã nộp 765.900.000đ tiền phải thanh toán cho anh H. Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã báo anh H đến để nhận tiền nhưng anh H không nhận nên số tiền này được gửi giữ tại Ngân hàng.

Cũng theo lời khai của chị B và các tài liệu do Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thu thập được tại Chi cục thi hành án thì anh H không nhận tiền do chị B nộp, không tự nguyện bàn giao nhà đất cho chị B. Cơ quan thi hành án đã giải thích cho anh H biết, nếu anh không chấp hành Bản án thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị B cũng đã bày tỏ quan điểm không chấp nhận thỏa thuận với anh H về tài sản ở giai đoạn thi hành án. Anh H cho rằng anh đã có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm số 27 và đã được chấp nhận nhưng không có tài liệu chứng minh. Theo tài liệu do Chi cục thi hành án dân sự huyện V cung cấp thì anh H có đơn hoãn thi hành án để đề nghị Giám đốc thẩm bản án số 27, nhưng tại Thông báo số 56/TB-TA ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trả lời anh H: Không có căn cứ để kháng nghị Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 27/2018/HNGĐ-PT ngày 15/11/2018 TAND tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy việc anh H phải giao nhà, đất cho chị B chỉ là vấn đề thời gian. Tại phiên tòa phúc thẩm khi được hỏi nếu sau này anh H buộc phải giao nhà, đất cho chị B thì anh và cháu Quang sẽ ở đâu thì anh H không rõ ràng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo lời khai của chị B, lời khai nhân chứng đã thể hiện rõ anh H có hành vi cản trở không cho chị B gặp gỡ, thăm hỏi cháu Q (BL55, 56), điều đó cho thấy không phải là chị B không có trách nhiệm với cháu Q mà do anh H cản trở. Hành vi này của anh H đã vi phạm khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Còn lời khai của cháu Q muốn ở với bố chỉ là thông tin để Tòa án tham khảo, không phải là căn cứ để quyết định việc thay đổi quyền nuôi con cho anh H.

Sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của con Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của chị B là có căn cứ, nếu giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H thì cuộc sống của cháu Q mới thực sự bị xáo trộn, vì khi

anh H phải giao trả nhà cho chị B, cháu Q sẽ phải theo anh H ở một nơi khác trong điều kiện anh H đã có vợ, có con, sự thay đổi này sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của cháu Q.

Với nhận xét trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị B, sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 và điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quý H đối với chị Đỗ Thị B về việc xin thay đổi quyền nuôi con là cháu Lê Minh Q từ chị Đỗ Thị B sang cho anh Lê Quý H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H tự nguyện nộp 300.000đ án phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0005100 ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện V. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Đỗ Thị B không phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm; được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0005205 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- Đường sự kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thanh